

Số: 503/QĐ-TANDTC-KHTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025****CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO***Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;**Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;*

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch – Tài chính,***QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 cho chủ đầu tư các dự án đầu tư công thuộc hệ thống Tòa án nhân dân như sau:

Tổng số vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2025 được giao là: 1220,999 tỷ đồng.

Giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 là 782,457 tỷ đồng.

Trong đó:

- Bố trí từ nguồn vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực là: 779,457 tỷ đồng, gồm:
 - + Lĩnh vực giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp là: 60,929 tỷ đồng;
 - + Lĩnh vực công nghệ thông tin là: 255 tỷ đồng;
 - + Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước là: 463,528 tỷ đồng.
- Bố trí từ nguồn tăng thu NSTW năm 2023 là: 03 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện :

Căn cứ thông báo vốn đầu tư được giao, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư dự án triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo đúng quy định hiện hành của nhà nước trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Định kỳ hàng tháng, quý và cả năm chủ đầu tư gửi báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư công, kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 theo quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư dự án xây dựng trụ sở làm việc các đơn vị thuộc hệ thống Tòa án nhân dân trong danh mục kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ĐTV

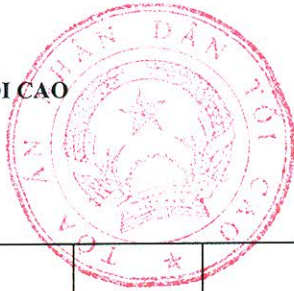
Nơi nhận:

- Như Điều 3; WA
- Đ/c Chánh án (để b/c)
- Đ/c Nguyễn Văn Du, Phó Chánh án (để c/đ);
- Các đ/c Phó Chánh án;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- KBNN trung ương;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu VP, Cục KHTC.

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Du



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 503/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tối cao)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GP 2021-2025 nguồn NSTW		Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025	Trong đó đã GN các năm 2021, 2022, 2023 và bổ trí 2024	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó:		
														Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	TỔNG SỐ							2.913.354	2.852.275	2.083.000	1.303.536	779.457	779.457			
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO							97.000	97.000	71.170	10.240	60.929	60.929			
	THỰC HIỆN DỰ ÁN							97.000	97.000	71.170	10.240	60.929	60.929			
	Dự án chuyển tiếp:							97.000	97.000	71.170	10.240	60.929	60.929			
	Nhóm B							97.000	97.000	71.170	10.240	60.929	60.929			
	Xây dựng, hoàn thiện CSVCS HVTA (HVTA GP 4)			7829771		24-27	135-3/6/24	97.000	97.000	71.170	10.240	60.929	60.929			
B	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN							500.000	500.000	440.000	185.000	255.000	255.000			
	THỰC HIỆN DỰ ÁN							500.000	500.000	440.000	185.000	255.000	255.000			
	Dự án chuyển tiếp:							500.000	500.000	440.000	185.000	255.000	255.000			
	Nhóm B							500.000	500.000	440.000	185.000	255.000	255.000			
	Trang bị CSVCS tổ chức triển khai phiên tòa trực tuyến			8051321		24-27	203-22/7/24	500.000	500.000	440.000	185.000	255.000	255.000			
C	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							2.316.354	2.255.275	1.571.830	1.108.296	463.528	463.528			
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							40.000	40.000	500	0	500	500			
	TAND Huyện Cần Đước	Long An	Long An	7950376		25-27	16-15/3/22	40.000	40.000	500	0	500	500			CBĐT
	THỰC HIỆN DỰ ÁN							2.276.354	2.215.275	1.571.330	1.108.296	463.028	463.028			
1	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025							261.841	261.841	238.000	213.114	24.886	24.886			
	Nhóm B							261.841	261.841	238.000	213.114	24.886	24.886			
1	Trùng tu trụ sở TANDTC tại số 48 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội (GP 3)	Hà Nội	Hà Nội	7949295		22-25	332-25/10/22	98.841	98.841	75.000	60.117	14.883	14.883			
2	TAND TP Hòa Bình	Hòa Bình	Hòa Bình	7912155	3400	22-25	591-29/12/21	50.000	50.000	50.000	45.000	5.000	5.000			
3	TAND tỉnh Điện Biên	Điện Biên	Điện Biên	7923212	7100	22-25	593-30/12/21	113.000	113.000	113.000	107.997	5.003	5.003			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025 nguồn NSTW		Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025	Trong đó đã GN các năm 2021, 2022, 2023 và bổ trí 2024	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó:		
														Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
2	Dự án chuyển tiếp:							1.859.463	1.838.384	1.278.706	894.182	384.518	384.518			
	Nhóm B							1.608.481	1.587.402	1.062.476	751.978	310.493	310.493			
1	Trùng tu TANDTC tại 48 Lý Thường Kiệt (GĐ2)	Hà Nội	Hà Nội	7640729		18-25	228-17/10/17 131-03/7/19 81-12/3/20 452-28/12/20 44-16/3/21	668.603	668.603	331.976	267.696	64.279	64.279			
2	TAND tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	7911110	9148	22-25	20-26/01/22	140.800	140.800	130.800	79.035	51.764	51.764			
3	TAND tỉnh Kon Tum	Kon Tum	Kon Tum	7823227	9000	22-25	570-20/12/21	141.000	141.000	130.800	108.617	22.182	22.182			
4	TAND tỉnh Bình Dương	Bình Dương	Bình Dương	7827012	11000	23-26	159-21/6/22	158.000	158.000	144.500	87.495	57.004	57.004			
5	TAND tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	Cao Bằng	7936338	7.150	23-26	433-18/11/22	124.999	124.999	95.000	63.331	31.669	31.669			
6	TAND TP Vĩnh Long	Vĩnh Long	Vĩnh Long	7824311	3216	23-26	615-26/12/22	49.000	49.000	48.500	43.494	5.005	5.005			
7	TAND quận Thanh Khê	Đà Nẵng	Đà Nẵng	7947573	4100	23-26	228-26/6/23	60.000	60.000	45.000	18.809	26.190	26.190			
8	TAND tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang	Kiên Giang	7939089	9500	24-27	266-31/7/23 97-15/4/24	166.079	145.000	90.000	82.500	7.500	7.500			
9	TAND quận 1	TP HCM	TP HCM	7829446	5500	24-27	480-29/11/23	100.000	100.000	45.900	1.000	44.900	44.900			
	Nhóm C							250.982	250.982	216.230	142.204	74.025	74.025			
1	TAND huyện Cái Bè	Tiền Giang	Tiền Giang	7948534	3300	23-25	13-8/11/22	44.500	44.500	40.430	27.938	12.492	12.492			
2	TAND huyện Phú Lộc	TT Huế	TT Huế	7824295	2450	23-25	18-29/12/22	40.000	40.000	36.500	27.533	8.967	8.967			
3	TAND huyện Nghi Lộc	Nghệ An	Nghệ An	7949294	2391	23-25	423-23/12/22	39.000	39.000	37.300	31.800	5.500	5.500			
5	TAND huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	Lâm Đồng	7948967	3.000	23-25	41-28/2/23	42.000	42.000	42.000	26.934	15.066	15.066			
6	TAND huyện Giao Thủy	Nam Định	Nam Định	7824347	2.900	24-26	245-18/9/23	43.015	43.015	30.000	10.800	19.200	19.200			
7	TAND huyện Thanh Miện	Hải Dương	Hải Dương	7826679	2.737	24-26	4380A-20/10/20 01-28/8/23	42.467	42.467	30.000	17.200	12.800	12.800			
3	Dự án khởi công mới 2025:							155.050	115.050	54.624	1.000	53.624	53.624			
	Nhóm C							155.050	115.050	54.624	1.000	53.624	53.624			
1	TAND huyện Lục Ngạn	Bắc Giang	Lục Ngạn	7949090	2350	25-27	05-04/11/24	38.638	38.638	17.000	500	16.500	16.500			
2	TAND huyện Kiến Thụy	Hải Phòng	Hải Phòng	8017476	2533	25-27	528-28/11/24	40.312	40.312	14.000	500	13.500	13.500			
3	TAND huyện Tân Phú	Đồng Nai	Đồng Nai	7949292	2450	25-27	369-10/6/24	38.300	18.300	12.000	0	12.000	12.000			
4	TAND huyện Vĩnh Cửu	Đồng Nai	Đồng Nai	7949293	2468	25-27	368-10/6/24	37.800	17.800	11.624	0	11.624	11.624			

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 503/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tối cao)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025 từ nguồn tăng thu NSTW năm 2023	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ							797.000	497.000	200.000	3.000	3.000			
	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							797.000	497.000	200.000	3.000	3.000			
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							797.000	497.000	200.000	3.000	3.000			
1	Xây dựng mới trụ sở TANDTC tại 262 Đội Cấn	Hà Nội	Hà Nội	8101420	23.390	25-27	181-11/7/24	797.000	497.000	200.000	3.000	3000			CBĐT

